

Đơn vị: Sở Công Thương tỉnh Ninh Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chương: 416

Ninh Bình, ngày 18 tháng 9 năm 2024

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SCT ngày tháng 9 năm 2024 của Sở Công Thương)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí	569,530	569,530	-
1	Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: Tư vấn chuyên ngành điện lực, hoạt động bán lẻ điện hoạt động bán lẻ điện ...; Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở	322,887	322,887	-
2	Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành công nghiệp: Thẩm định thiết kế cửa hàng kinh doanh xăng dầu...	135,293	135,293	-
3	Phí thẩm định cấp mới, cấp lại giấy phép sử dụng VLNCN	14	14	-
4	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện SXKD hóa chất	1,2	1,2	-
5	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thương mại	67,2	67,2	-
6	Phí thẩm định điều kiện dinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp	4,4	4,4	-
7	Lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	3	3	-
8	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh đủ điều kiện VSATTP	21,55	21,55	-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	333,694	333,694	-
1	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	333,694	333,694	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		-	
III	Số phí, lệ phí nộp Ngân sách nhà nước	90,843	90,843	-

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết	Tổng số liệu quyết toán	Chênh lệch
1	Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: Tư vấn chuyên ngành điện lực, hoạt động bán lẻ điện hoạt động bán lẻ điện ...; Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở	32,289	32,289	-
2	Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành công nghiệp: Thẩm định thiết kế cửa hàng kinh doanh xăng dầu...	13,529	13,529	-
3	Phí thẩm định cấp mới, cấp lại giấy phép sử dụng VLNCN	1,4	1,4	-
4	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện SXKD hóa chất	0,12	0,12	-
5	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thương mại	33,6	33,6	-
6	Phí thẩm định điều kiện dinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp	0,44	0,44	-
7	Lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	3	3	-
8	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh đủ điều kiện VSATTP	6,465	6,465	-
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước		-	
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.806,710	10.806,710	-
1	Chi quản lý hành chính	9.866,412	9.866,412	-
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.854,20	6.854,200	-
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.012,212	3.012,212	-
2	Chi sự nghiệp kinh tế	-	-	-
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-	-
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		-	-
3	Chi quốc phòng	399,331	399,331	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	399,331	399,331	-
4	Chi thực hiện một số nhiệm vụ tỉnh giao	540,967	540,967	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	540,967	540,967	-
II	Nguồn viện trợ	-		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-		